

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON HỒNG PHONG
Chương: 622 Loại 490 Khoản 492

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày 06 tháng 04 năm 2020

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2020

(Kèm theo Thông báo số: 31a/TB- MNHP ngày 06/04/2020 của trường MN Hồng Phong)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định số 282/QĐ-PGDĐT ngày 24/12/2019 của Phòng giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều "về việc giao dự toán ngân sách năm 2020";

Trường Mầm non Hồng Phong công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I năm 2020 như sau:

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2020	Thực hiện quý I năm 2020	Thực hiện quý I/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0		-
1	Số thu phí, lệ phí	305,000,000	-		-
1.1	Học phí	305,000,000	0		-
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	305,000,000	0		
1	Chi thanh toán cho cá nhân	122,000,000	-		
	Mục 6000: Tiền lương	122,000,000			
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	183,000,000	-		
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	32,000,000			
	Mục 6550: Vật tư văn phòng				
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	4,000,000			
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	21,506,400			
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.				
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	125,493,600			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	0	0		-
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3,274,000,000	810,057,824	25	133
1	Chi quản lý hành chính				
2	Nghiên cứu khoa học				
3	Chi nghiệp vụ giáo dục đào tạo dạy nghề	3,274,000,000	810,057,824	25	133

3.1	<u>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</u>	<u>3,274,000,000</u>	<u>810,057,824</u>	<u>25</u>	<u>133</u>
a	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>2,590,000,000</u>	<u>637,158,529</u>	<u>25</u>	<u>111</u>
	Mục 6000: Tiền lương	1,292,712,000	359,073,403	28	108
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	8,288,000		0	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	647,244,000	180,786,687	28	120
	Mục 6200: Tiền thưởng	12,516,000			-
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	21,240,000	890,000	4	-
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	608,000,000	96,408,439	16	110
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	-			-
b	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>662,000,000</u>	<u>146,714,545</u>	<u>22</u>	<u>425</u>
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	95,000,000	37,656,445	40	316
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	75,234,000	24,914,500	33	
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	9,000,000	1,683,000	19	91
	Mục 6650: Hội nghị	8,000,000			
	Mục 6700: Công tác phí	18,000,000	5,520,000	31	325
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	53,766,000	10,370,400	19	54
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	290,000,000	26,542,200		
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	-	-	#DIV/0!	-
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	75,000,000	34,428,000	46	
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	38,000,000	5,600,000	15	
c	<u>Các khoản chi khác</u>	<u>22,000,000</u>	<u>26,184,750</u>	<u>119</u>	<u>5,344</u>
	Mục 7750: Chi khác	22,000,000	26,184,750	119	5,344
3.2	<u>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</u>	-			-
a	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	-	-		-
	Mục 6156: Hỗ trợ đối tượng chính sách đóng học phí				-
	Mục 6157: Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập				-
	Mục 7499: Chi khác				-
b	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	-	-		-
	Mục 6907: Nhà cửa				
	Mục 6949: Các TS khác và CTHH CS khác				-

HIỆU TRƯỞNG

Lương Thị Kim Oanh

